

PREMIUM MFC & MDF MELAMINE PANELS



MFC YEONGSAN

KOREAN LIFESTYLE



CONTENTS



02

INTRODUCTION



03

SOLID



09

MATERIALS



13

FLAGSHIP



33

WOOD



57

TECHNICAL
DATASHEET



58

TECHNICAL
SPECIFICATIONS



59

INDEX

INTRODUCTION

Hiện tại, ván công nghiệp phủ Melamine đang ngày càng phát triển và được ưa chuộng tại Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều sản phẩm trên thị trường vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ về tiêu chuẩn chất lượng. Điều này có thể dẫn đến việc tiêu dùng các sản phẩm không an toàn cho sức khỏe và môi trường.

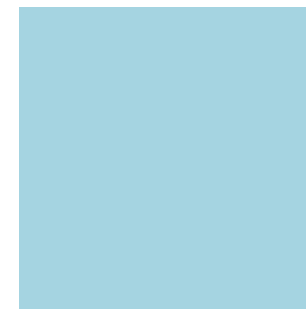
Để đáp ứng thách thức này, MFC YEONGSAN đã chọn nguồn nguyên liệu cao cấp từ Hàn Quốc, nổi tiếng với tiêu chuẩn chất lượng cao và quy trình sản xuất tiên tiến. Đồng thời, thương hiệu cũng áp dụng tiêu chuẩn phát thải của Hoa Kỳ vào sản phẩm. Nhờ đó, chúng tôi không chỉ mang đến những sản phẩm ván công nghiệp chất lượng cao, mà còn đảm bảo an toàn cho người sử dụng, góp phần bảo vệ môi trường sống.

Sản phẩm của MFC YEONGSAN không chỉ là sự lựa chọn lý tưởng cho những ai tìm kiếm chất lượng vượt trội và an toàn, mà còn là biểu tượng của phong cách sống Hàn Quốc – Korean Life Style. Một phong cách sống đơn giản, hiện đại và trẻ trung, thể hiện qua từng chi tiết của sản phẩm. Khi bạn chọn MFC YEONGSAN, bạn đang chọn một cuộc sống tinh tế nhưng không kém phần năng động, một cuộc sống với sự giản dị mà vẫn nổi bật.

Khám phá sự khác biệt với MFC YEONGSAN – nơi chất lượng, sức khỏe và phong cách sống hội tụ trong từng sản phẩm.



MS: 2313 T
Pastel Yellow



MS: 2308 T
Pastel Mint



MS: 2326 T
Lime Green



MS: 2330 T
Sky Blue



MS: 2327 T
Yellow



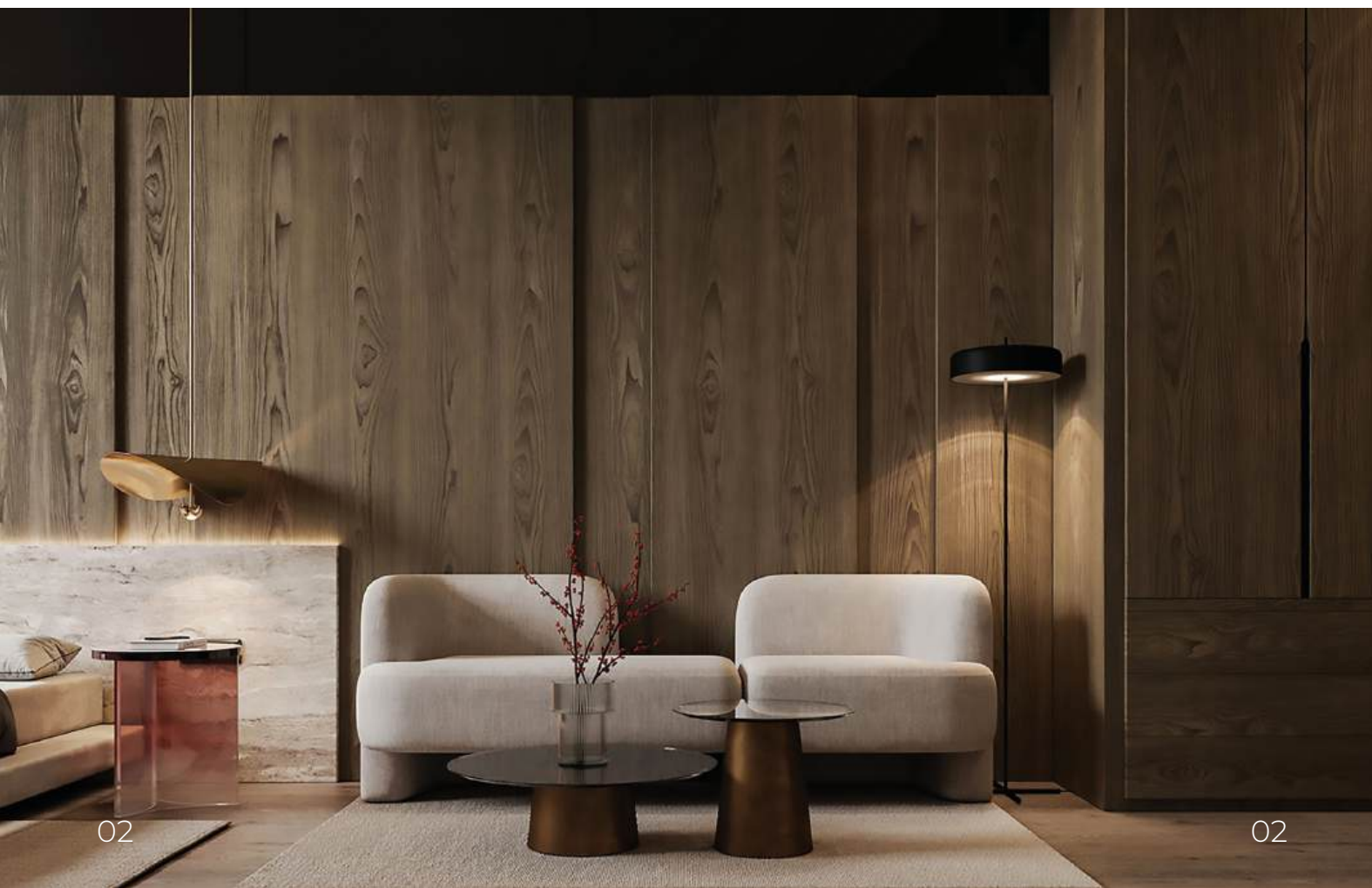
MS: 2310 T
Pastel Dark Green

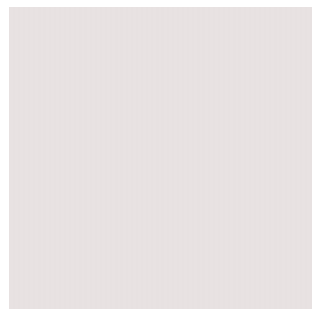


MS: 2311 T
Pastel Dark Blue

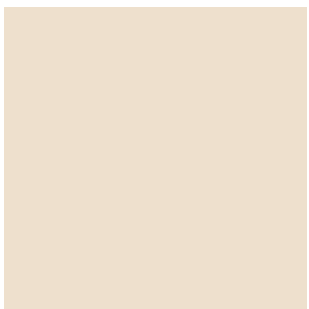


MS: 2329 T
Marine Blue

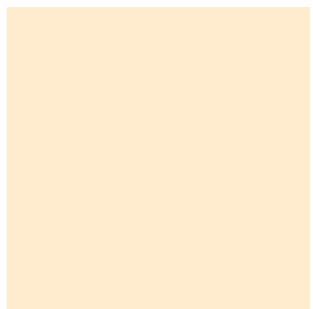




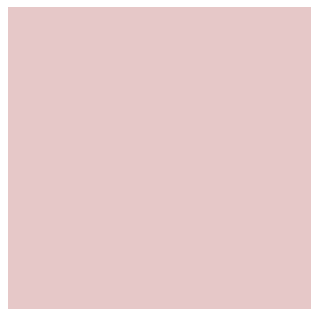
 **MS: 2002 T**
Light Grey



 **MS: 2320 T**
Beige



 **MS: 2306 T**
Pastel Beige



 **MS: 2312 T**
Pastel Pink



 **MS: 2325 T**
Pink



 **MS: 2331 T**
Orange

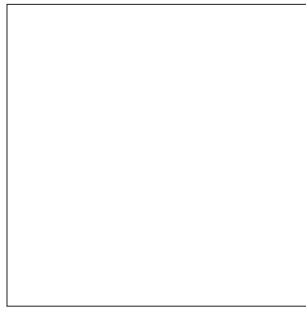


 **MS: 2309 T**
Pastel Orange

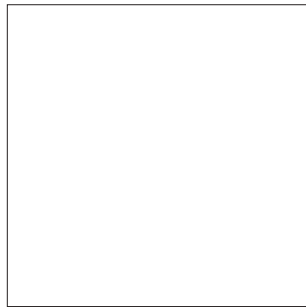


 **MS: 2328 T**
Red

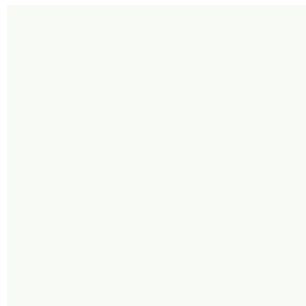




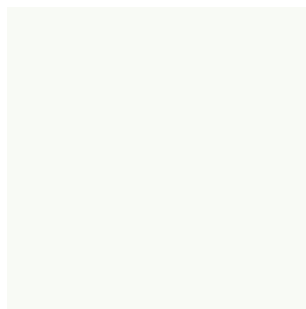
MS: 5120 SH
Smooth
Deep White



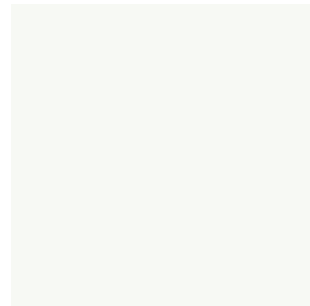
MS: 1000 T
White



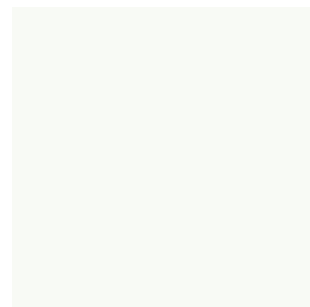
MS: 2001 T
Texture White



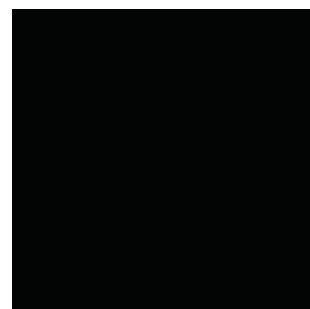
MS: 2001 AW
Ash Woodgrain
White



MS: 2001 SH
Smooth White



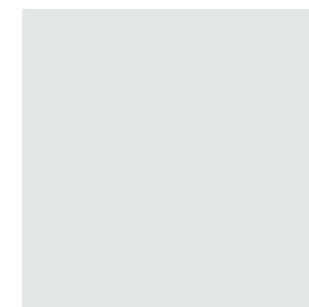
MS: 2001 G
Glossy White



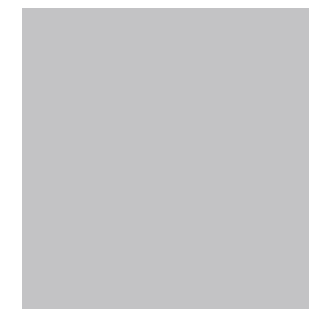
MS: 2318 T
Supper Black



MS: 2322 T
Linen



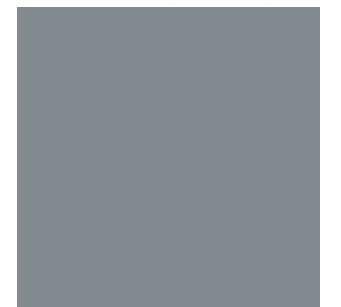
MS: 2324 T
Smoke Grey



MS: 2307 T
Pastel Grey



MS: 2300 T
Deep Grey



MS: 2323 T
Ash Grey



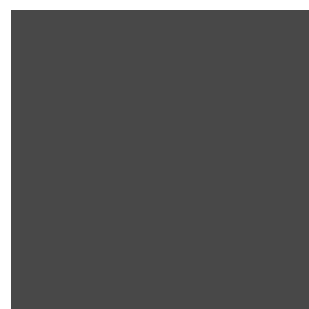
MS: 2321 T
Pewter Grey



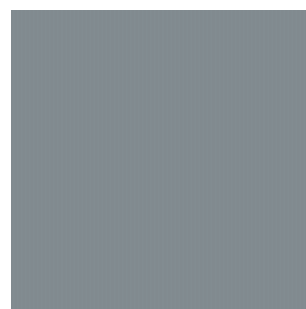
MS: 2314 T
Dark Grey



MS: 2318 AW
Supper Black



MS: 2314 PL
Dark Grey



MS: 2323 ST
Ash Grey



MS: 2321 ST
Pewter Grey



MS: 2310 FR
Pastel Dark Green



MS: 2308 AW
Pastel Mint



MS: 2311 FR
Pastel Dark Blue



MS: 2309 LE
Pastel Orange



MS: 2320 LE
Beige



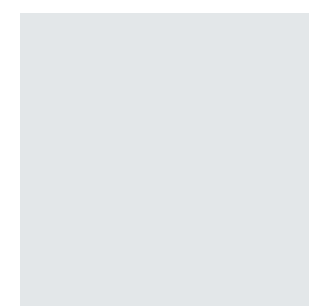
MS: 2300 LE
Deep Grey



MS: 2322 LE
Linen



MS: 2310 LE
Pastel Dark Green



MS: 2324 LE
Smoke Grey



MS: 2311 LE
Pastel Dark Blue



MS: 8020 G
Black Marble



MS: 8000 G
White Marble



MS: 8031 ST
Cement



MS: 8030 ST
Light Cement





MS: 8123 FR
Jean



MS: 8121 FR
Jean



MS: 8122 FR
Jean



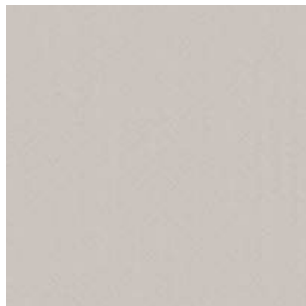
MS: 8132 T
Herringbone
Wood



MS: 9102 FR
Gray Fabric



MS: 8131 T
Herringbone
Wood



MS: 8133 T
Herringbone
Wood



MS: 8120 FR
Jean



MS: 9050 AW
Canyon Mountain Walnut



MS: 9051 AW
Canyon Mountain Walnut



MS: 9052 AW
Canyon Mountain Walnut





MS: 9011 PL
Ludvika Wood





MS: 9001 SL
Wayne Maple



MS: 9002 SM
Moldau Acacia





MS: 9015 PL
Herning Oak



MS: 9005 PL
Forollhogna Oak





MS: 9020 PL
Heuvelrug Wood



MS: 9016 SL
Rijeka Oak



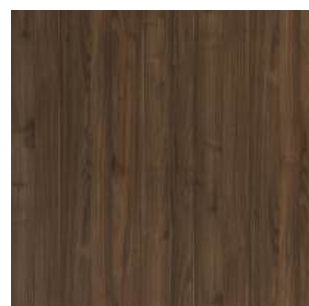


MS: 9025 PL
Aspen Oak



MS: 9022 PL
Dark Brown Oak





MS: 9030 PL
Ambassador



MS: 9118 EW
European Oak



MS: 9047 SL
Columbia Walnut



MS: 9037 SL
Coburg Oak





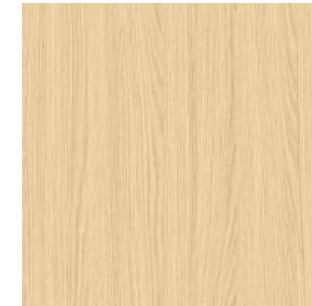
MS: 9040 PL
Sonoma Oak



MS: 9042 PL
Sonoma Oak



MS: 9112 EW
Bor Oak



MS: 9106 EW
Ravensburg Oak





MS: 9000 PL
Arasen Oak



MS: 9003 EV
Plum Walnut



MS: 9004 AW
Raskog Ash



MS: 9017 EV
Natural Hyokory



MS: 9023 SL
Columbia Walnut



MS: 9046 SL
Wyoming



MS: 9082 SM
Royal Oak



MS: 9083 SM
Royal Oak





MS: 9128 W
Modern Oak



MS: 9129 W
Modern Oak



MS: 9126 EV
Moldau Acacia



MS: 9127 EV
Moldau Acacia



MS: 9130 EV
Dorotea Oak



MS: 9132 W
Yellow Oak



MS: 9131 EV
Dorotea Oak



MS: 9136 EV
Coburg Oak





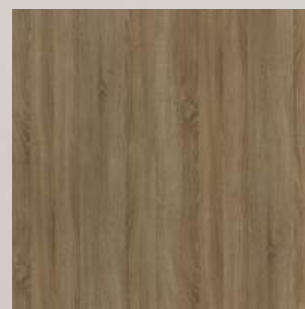
MS: 9114 PL
Red Beech



MS: 9115 PL
Virginia Walnut



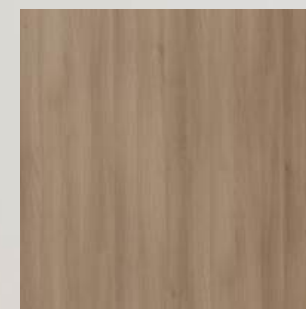
MS: 9039 PL
Sonoma Oak



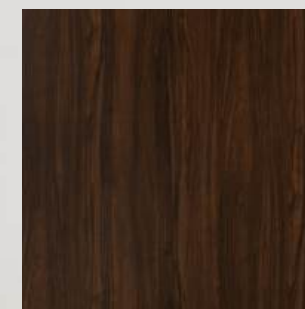
MS: 9041 PL
Sonoma Oak



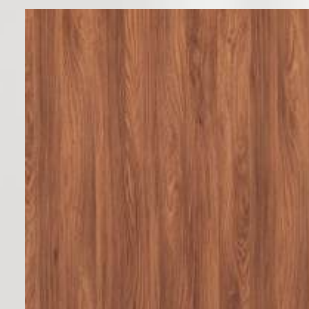
MS: 9043 SL
Moldau Acacia



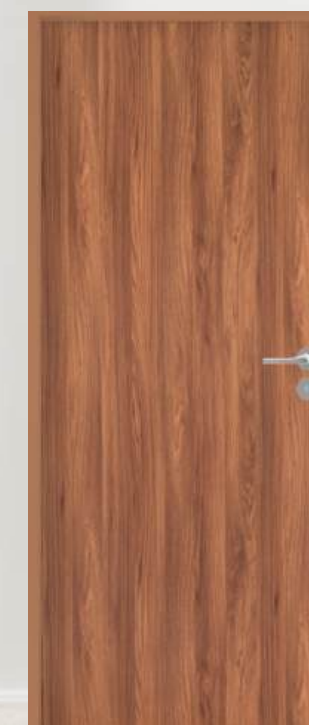
MS: 9044 SL
Moldau Acacia



MS: 9054 PL
English
Walnut



MS: 9049 PL
Feedwood
Scratched

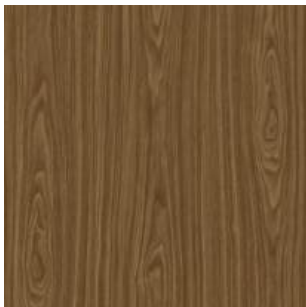




MS: 9123 AW
Cherry



MS: 9094 SL
Classic Walnut



MS: 9117 AW
Natural Walnut



MS: 9095 T
Murnau Maple



MS: 9107 AW
Dark Wood



MS: 9096 SL
Modau Acacia



MS: 9097 AW
New England Oak



MS: 9124 PL
Sonoma Oak



MS: 9031 SL
Wyoming Maple



MS: 9032 SL
Wyoming Maple



MS: 9006 EV
Santana Oak



MS: 9098 PL
Sonoma Oak



 **MS: 9033 SL**
Wyoming Maple



 **MS: 9034 SL**
Wyoming Maple



 **MS: 9053 EV**
Bergerac Oak



 **MS: 9035 SL**
Wyoming Maple



 **MS: 9036 SL**
Wyoming Maple



 **MS: 9068 AW**
Takaj Lime



 **MS: 9069 AW**
Takaj Lime



 **MS: 9099 W**
Grey Maple



 **MS: 9070 AW**
Takaj Lime



 **MS: 9071 AW**
Takaj Lime





MS: 9073 PL
Columbia Walnut



MS: 9075 PL
Columbia Walnut



MS: 9076 PL
Columbia Walnut



MS: 9077 AW
Kitami Ruester



MS: 9078 AW
Kitami Ruester



MS: 9079 AW
Kitami Ruester



MS: 9072 EV
Riviera Oak



MS: 9074 PL
Riviera Oak



MS: 9093 AW
Sapele



MS: 9038 EV
Lyon Walnut



MS: 9080 EV
Riviera Oak



MS: 9081 EV
Riviera Oak



MS: 9100 W
Modern Oak



MS: 9110 EV
Engineering Oak



MS: 9125 W
Natural Wood



MS: 9045 PL
Lyon Walnut



MS: 9121 SM
Canyon Monument



MS: 9108 SL
Vertical Oak



MS: 9109 EW
Rijeka Oak



MS: 9111 EW
Rijeka Oak



MS: 9084 EV
Snug Walnut



MS: 9122 SM
Canyon Monument





MS: 9120 EV
Coburg Oak



MS: 9104 AW
Koldby Oak



MS: 9101 AW
Serbia Ash



MS: 9105 W
White Maple



MS: 9048 EV
Swiss Elm



MS: 9119 SL
Kampala Acacia



MS: 9113 PL
Crack Oak



MS: 9116 SL
Natural Walnut



MS: 9103 EV
Natural Acacia



TECHNICAL DATASHEET

Dimension Tolerance

Glue type	Board Properties	Unit	Range of thickness board (mm)			Test method
			9-13mm	13-20mm	20-25mm	
All Tapes	Thickness	mm	± 0.2 mm			BSEN 324-1
	Length & Width	mm	± 2 mm			BSEN 324-1
	Squareness	mm	≤ 5mm			BSEN 324-2

Formaldehyde Emission

Glue type	Unit	Range of thickness board (mm)	Test method
E2	mg/100g	> 8 & ≤ 30	ISO 12460-5:2015
E1	mg/100g	≤ 8	ISO 12460-5:2015
EPA-CARB P2	ppm	≤ 0.09	ASTM D6007:2014

Physical Properties

Product	Board Properties	Unit	Range of thickness board (mm)			Test method
			9-13mm	13-20mm	20-25mm	
YEONGSAN	Average Density	kg/m3	690±20	670±20	660±20	BS EN 323
	Moisture Content	%	5-8			BS EN 322
	Internal Bond (IB)	N/mm2	0.65			BS EN 319
	Bending Strength	N/mm2	25	23	21	BS EN 310
	Modulus of Elasticity (MOE)	N/mm2	2500	2300	2200	BS EN 310
	Screw Holding (Surface)	N	N/A	1050	1000	BS EN 320
	Screw Holding (Edge)	N	N/A	850	700	BS EN 320
			Range of thickness board (mm)			Test method
			9-13mm	13-20mm	20-25mm	
YEONGSAN MR-Moisture Resistance	Average Density	kg/m3	700±20	680±20	670±20	BS EN 323
	Moisture Content	%	5-8			BS EN 322
	Internal Bond (IB)	N/mm2	0.7			BS EN 319
	Bending Strength	N/mm2	26	24	22	BS EN 310
	Modulus of Elasticity (MOE)	N/mm2	2600	2400	2300	BS EN 310
	Screw Holding (Surface)	N	N/A	1050	1000	BS EN 320
	Screw Holding (Edge)	N	N/A	850	850	BS EN 320
	Thickness swelling: 24h	%	10	8	7	BS EN 317
			Range of thickness board (mm)			Test method
			9-13mm	13-20mm	20-25mm	
YEONGSAN ELITE MR-Moisture Resistance	Average Density	kg/m3	740±20	720±20	700±20	BS EN 323
	Moisture Content	%	5-8			BS EN 322
	Internal Bond (IB)	N/mm2	0.75			BS EN 319
	Bending Strength	N/mm2	26	24	22	BS EN 310
	Modulus of Elasticity (MOE)	N/mm2	2600	2400	2300	BS EN 310
	Screw Holding (Surface)	N	N/A	1050	1000	BS EN 320
	Screw Holding (Edge)	N	N/A	850	850	BS EN 320
	Thickness swelling: 24h	%	10	8	7	BS EN 317

Coating Characteristics

Abrasion resistance (IP)	Revolutions/Circle	40-100	EN 438-2
Pencil Hardness	H	9 (no damage)	ISO 15184: 2020
Phthalates Content (DBP, BBP, DEHP)	mg/kg	< 0	CPSC-CH-C1001-09.4
Cadmium Content	mg/kg	< 0	EN 1122:2001

TECHNICAL SPECIFICATIONS

BENEFITS



100% Natural wood fibers



Easy to clean



Multi function



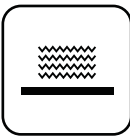
Unique designs



Real touch



AVOID



Abration



Chemical products



Cracking

INDEX

CODE	DESCRIPTION	PAGE	CODE	DESCRIPTION	PAGE
1000-T	White	5	2312-T	Pastel Pink	4
2001-T	Texture White	5	2313-T	Pastel Yellow	3
2001-G	Glossy White	5	2314-T	Dark Grey	6
2001-SH	Smooth White	5	2314-PL	Dark Grey	7
2001-AW	Ash Woodgrain White	5	2318-T	Supper Black	5
2002-T	Light Grey	4	2318-AW	Supper Black	7
2300-T	Deep Grey	6	2320-T	Beige	4
2300-LE	Deep Grey	8	2320-LE	Beige	8
2306-T	Pastel Beige	4	2321-T	Pewter Grey	6
2307-T	Pastel Grey	6	2321-ST	Pewter Grey	7
2308-T	Pastel Mint	3	2322-T	Linen	6
2308-AW	Pastel Mint	7	2322-LE	Linen	8
2309-T	Pastel Orange	4	2323-T	Ash Grey	6
2309-LE	Pastel Orange	7	2323-ST	Ash Grey	7
2310-T	Pastel Dark Green	3	2324-T	Smoke Grey	6
2310-FR	Pastel Dark Green	7	2324-LE	Smoke Grey	8
2310-LE	Pastel Dark Green	8	2325-T	Pink	4
2311-T	Pastel Dark Blue	3	2326-T	Lime Green	3
2311-FR	Pastel Dark Blue	7	2327-T	Yellow	3
2311-LE	Pastel Dark Blue	8	2328-T	Red	4

INDEX

CODE	DESCRIPTION	PAGE	CODE	DESCRIPTION	PAGE
2329-T	Marine Blue	3	9005 PL	Forollhogna Oak	23
2330-T	Sky Blue	3	9006 EV	Santana Oak	48
2331-T	Orange	4	9011 PL	Ludvika Wood	15
5120-SH	Smooth Deep White	5	9015 PL	Herning Oak	22
8000G	White Marble	9	9016 SL	Rijeka Oak	27
8020G	Black Marble	9	9017 EV	Natural Hyokory	38
8030 ST	Light Cement	10	9020 PL	Heuvelrug Wood	26
8031 ST	Cement	10	9022 PL	Dark Brown Oak	31
8120 FR	Jean	12	9023 SL	Columbia Walnut	39
8121 FR	Jean	12	9025 PL	Aspen Oak	30
8122 FR	Jean	12	9030 PL	Ambassador	33
8123 FR	Jean	12	9031 SL	Wyoming Maple	48
8131 T	Herringbone Wood	12	9032 SL	Wyoming Maple	48
8132 T	Herringbone Wood	12	9033 SL	Wyoming Maple	49
8133 T	Herringbone Wood	12	9034 SL	Wyoming Maple	49
9000 PL	Arasen Oak	37	9035 SL	Wyoming Maple	50
9001 SL	Wayne Maple	18	9036 SL	Wyoming Maple	50
9002 SM	Moldau Acacia	19	9037 SL	Coburg Oak	33
9003 EV	Plum Walnut	37	9038 EV	Lyon Walnut	52
9004 AW	Raskog Ash	38	9039 PL	Sonoma Oak	45

INDEX

CODE	DESCRIPTION	PAGE	CODE	DESCRIPTION	PAGE
9040 PL	Sonoma Oak	35	9073 PL	Columbia Walnut	51
9041 PL	Sonoma Oak	45	9074 PL	Riviera Oak	51
9042 PL	Sonoma Oak	35	9075 PL	Columbia Walnut	51
9043 SL	Moldau Acacia	46	9076 PL	Columbia Walnut	51
9044 SL	Moldau Acacia	46	9077 AW	Kitami Ruester	52
9045 PL	Lyon Walnut	53	9078 AW	Kitami Ruester	52
9046 SL	Wyoming	39	9079 AW	Kitami Ruester	52
9047 SL	Columbia Walnut	33	9080 EV	Riviera Oak	52
9048 EV	Swiss Elm	55	9081 EV	Riviera Oak	52
9049 PL	Feedwood Scratched	46	9082 SM	Royal Oak	40
9050 AW	Canyon Mountain Walnut	13	9083 SM	Royal Oak	40
9051 AW	Canyon Mountain Walnut	13	9084 EV	Snug Walnut	53
9052 AW	Canyon Mountain Walnut	13	9093 AW	Sapele	51
9053 EV	Bergerac Oak	49	9094 SL	Classic Walnut	47
9054 PL	English Walnut	46	9095 T	Murnau Maple	47
9068 AW	Takaj Lime	49	9096 SL	Modau Acacia	47
9069 AW	Takaj Lime	49	9097 AW	New England Oak	48
9070 AW	Takaj Lime	50	9098 PL	Sonoma Oak	48
9071 AW	Takaj Lime	50	9099 W	Grey Maple	49
9072 EV	Riviera Oak	51	9100 W	Modern Oak	54

INDEX

CODE	DESCRIPTION	PAGE	CODE	DESCRIPTION	PAGE
9101 AW	Serbia Ash	55	9121 SM	Canyon Monument	53
9102 FR	Grey Fabric	12	9122 SM	Canyon Monument	53
9103 EV	Natural Acacia	55	9123 AW	Cherry	47
9104 AW	Koldby Oak	55	9124 PL	Sonoma Oak	48
9105 W	White Maple	55	9125 W	Natural Wood	54
9106 EW	Ravensburg Oak	36	9126 EV	Moldau Acacia	42
9107 AW	Dark Wood	47	9127 EV	Moldau Acacia	42
9108 SL	Vertical Oak	54	9128 W	Modern Oak	41
9109 EW	Rijeka Oak	54	9129 W	Modern Oak	41
9110 EV	Engineering Oak	54	9130 EV	Dorotea Oak	43
9111 EW	Rijeka Oak	54	9131 EV	Dorotea Oak	43
9112 EW	Bor Oak	36	9132 W	Yellow Oak	43
9113 PL	Crack Oak	55	9136 EV	Coburg Oak	43
9114 PL	Red Beech	45			
9115 PL	Virgina Walnut	45			
9116 SL	Natural Walnut	55			
9117 AW	Natural Walnut	47			
9118 EW	European Oak	33			
9119 SL	Kampala Acacia	55			
9120 EV	Coburg Oak	55			

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ CÔNG NGHIỆP YEONGSAN

TEL: 1900 55 88 74

Yeongsan.vn